

Số: 50 /TM-BVM&DL
V/v mời chào giá các mặt hàng vật tư, hoá
chất xét nghiệm.

Hải Dương, ngày 05 tháng 03 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất/kinh doanh tại Việt Nam

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Để khẩn trương đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người bệnh; Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương cần mua sắm bổ sung các mặt hàng vật tư, hóa chất xét nghiệm và có nhu cầu nhận báo giá để tham khảo làm căn cứ xây dựng giá gói thầu và làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá:

- Đơn vị mời báo giá: Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương
- Thông tin liên hệ của người tiếp nhận báo giá:
 - Đ/c Nguyễn Thị Mai Yên: 0974.507.113
 - Đ/c Nguyễn Văn Nhất: 0913.139.333
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nộp trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận đấu thầu - Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương
 - Địa chỉ: ngõ 144 Quang Trung, tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
 - Hoặc gửi chuyên phát nhanh 01 bản cứng có đóng dấu và gửi 01 bản scanner PDF về địa chỉ Email: todauthauhd@gmail.com.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hoá: (Chi tiết theo phụ lục I đính kèm).
- Mẫu báo giá: (Chi tiết theo phụ lục II đính kèm).
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Giao hàng tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 10 ngày sau khi nhận được yêu cầu (dự trù) của bệnh viện.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng; Thanh toán theo từng lần nghiệm thu giao hàng.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 05/03/2025 đến ngày 15/03/2025.
Lưu ý: Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá có hiệu lực.



Bệnh viện rất mong nhận được sự hợp tác của các Quý công ty.
Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (đăng website SYT);
- CNTT(đăng Website BV, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia);
- Lưu: VT, TĐT.

GIÁM ĐỐC

VŨ VĂN KHOẠI


TỈNH
VIỆN
DA LIỀU
HAI DUONG



**PHỤ LỤC I
DANH MỤC HÀNG HOÁ**

(Kèm theo thư mời số: 50 /TM-BVM&DL ngày 05/03/2025 của Bệnh viện Mắt & Da liễu Hải Dương)

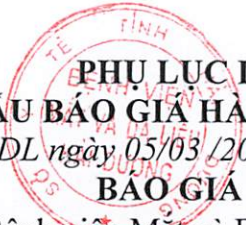
ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HOÁ						
1	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Direct (Bilirubin trực tiếp/Bilirubin liên hợp-test)	Thuốc thử RD1: Sulfanilic acid ≥ 3.2 mmol/L, Hydrochloric acid ≥ 165 mmol/L. Thuốc thử R2: Sodium nitrite ≥ 8.6 mmol/L. dải đo 1-100 μ mol/l	RD1 ≥ 250 ml R2 ≥ 50 ml	Hộp	10	
2	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Total	Thuốc thử RT1 : Sufanilic acid ≥ 3.2 mmol/L, Hydrochloric acid ≥ 165 mmol/L, Dimethylsulfoxide ≥ 7 mol/L Thuốc thử R2: Sodium nitrite ≥ 8.6 mmol/L ,dải đo 3,5-340 μ mol/l	RT1: ≥ 250 ml R2: ≥ 50 ml	hộp	10	
3	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Thuốc thử (R1):Pipes buffer,pH=6.90 ≥ 50 mmol/l/Phenol ≥ 24 mmol/l/Sodium cholate ≥ 0.5 mmol/l/4-Aminoantipyrine ≥ 0.5 mmol/l/Cholesterol esterase ≥ 180 U/l/Cholesterol oxidase ≥ 200 U/l/Peroxidase ≥ 1000 U/l,dải đo 0.4-20 mmol/l	R1: ≥ 120 ml	hộp	9	
4	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Thuốc thử (R1): Phosphate buffer PH 7,40 ≥ 100 mmol/L; Phenol ≥ 10 mmol/L, 4-Aminoantipyrine $\geq 0,3$ mmol/l; Glucose oxidase ≥ 10000 U/L; Proxidase ≥ 700 U/L. dải đo 0.28-40mmol/l	R1: ≥ 120 ml	hộp	50	
5	Hóa chất xét nghiệm GOT/AST (men tê bào:	1. Thuốc thử (R1) Tris puffer, pH=7.80 ≥ 88 mmol/l	R1: ≥ 80 ml, R2: ≥ 40 ml	hộp	16	



	gan, tim)	Laszpartate \geq 260 mmol/l LDH \geq 1500 U/l MDH \geq 900 U/l NADH \geq 0,24 mmol/l 2. Thuốc thử (R2) α -ketoglutarate \geq 12 mmol/l ,dải đo 5-260U/l				
6	Hóa chất xét nghiệm GPT/ALT (men gan)	1.Thuốc thử (R1)Tris puffer, pH=7.50 \geq 110 mmol/lLalanine \geq 600 mmol/lLDH \geq 1500 U/lNADH \geq 240 μ mol/l2.Thuốc thử (R2) α -ketoglutarate \geq 16 mmol/l, dải đo 5-450U/l	R1: \geq 80ml, R2: \geq 40ml	hộp	16	
7	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	Thuốc thử (R1) Pipes buffer, pH=6.30 \geq 50 mmol/l 4-Chlorophenol \geq 4 mmol/l Mg ²⁺ \geq 15 mmol/l ATP \geq 2 mmol/l Glycerol kinase (GK) \geq 0.4 kU/l Peroxidase \geq 2 kU/l Lipoprotein lipase \geq 2 kU/l 4-Aminoantipyrine \geq 0.4 mmol/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase (GPO) \geq 1.5 kU/l dải đo 0.006 mmol/l -11,27mmol/l	R1: \geq 120ml	hộp	9	
8	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho các xét nghiệm sinh hóa.	5ml/lọ	lọ	24	
9	QC mức thường cho các xét nghiệm sinh hoá.	Vật liệu kiểm chứng dùng cho các xét nghiệm sinh hóa.	5ml/lọ	lọ	24	
10	QC mức bệnh lý cho các xét nghiệm sinh hoá.	Vật liệu kiểm chứng dùng cho các xét nghiệm sinh hóa.	5ml/lọ	lọ	24	
11	Hoá chất xét nghiệm Urea	Dải đo 1-66,7mmol/l 1. Thuốc thử (R1) NADH \geq 320 μ mol/l 2. Thuốc thử (R2)	R1: \geq 90ml R2: \geq 30 ml	hộp	7	

TIN
NH V
Ả DA
DUON

		Tris buffer, pH=7.60 >= 100 mmol/l α-Ketoglutarate >=9 mmol/l Urease >= 6500 U/l GLDH >= 1100 U/l				
VẬT TƯ SỬ DỤNG TRONG CHẨN ĐOÁN						
12	Test nhanh chẩn đoán kháng thể HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: >=99%; Độ đặc hiệu >= 99%. Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 24 giờ sau khi mở túi nhôm.	Hộp 100 test	Test	200	
13	Test nhanh chẩn đoán Giang mai	- Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum. Độ nhạy: >= 99% và Độ đặc hiệu >= 99% so với TPHA. Mẫu xét nghiệm: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 24 giờ sau khi mở túi nhôm. Đạt tiêu chuẩn: ISO	Hộp 100 test	Test	300	
14	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên viêm gan B	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy: >=95%, Độ đặc hiệu: >=97%. Các mẫu ly giải máu, mẫu mỡ máu, vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Không có phản ứng chéo với các mẫu chứa yếu tố dạng thấp, chứa kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng HIV và phụ nữ mang thai. Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C	Hộp 30 test	Test	200	
15	Test định danh vi khuẩn Chlamydia	Phát hiện định tính Chlamydia trachomatis trong mẫu tăm bông dịch cổ tử cung, tăm bông dịch niệu đạo nam và / hoặc mẫu nước tiểu nam giới. Độ nhạy >=85%, độ đặc hiệu >=95%, (tùy thuộc mẫu bệnh phẩm)	Hộp 20 test	Test	75	
Tổng số: 15 mặt hàng						



PHỤ LỤC II
MẪU BÁO GIÁ HÀNG HOÁ

(Kèm theo thư mời số: 50 /TM-BVM&DL ngày 05/03 /2025 của Bệnh viện Mắt & Da liễu Hải Dương)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương

Trên cơ sở thư mời báo giá của Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương, chúng tôi xin gửi tới quý viện bảng báo giá chi tiết các mặt hàng như sau:

1. Báo giá:

DVT: Đồng

STT	Danh mục vật tư y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số kĩ thuật	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1											
...											
...											

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, thuế và phí khác, chi phí vận chuyển và thực hiện dịch vụ sau bán hàng tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày...tháng...năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá

- Những thông tin nêu trên báo giá là trung thực.

....., ngàythángnăm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(ký tên, đóng dấu)

